

Mấy nét khái quát về văn học cung đình Việt Nam thời trung đại

Nguyễn Mạnh Hoàng^(*)

Tóm tắt: Văn học cung đình là bộ phận sáng tác văn học của vua chúa, quý tộc, hoàng thân, quốc thích, cung nữ... xuất hiện trong không gian cung đình, mang đậm nhân sinh quan, thế giới quan của triều đình đương thời. Cảm hứng chủ đạo của dòng văn học cung đình là ca tụng mình quân và sự nghiệp vương triều. Văn học cung đình là một hiện tượng chứa đựng nhiều vấn đề văn hóa, văn học thú vị như: văn hóa chính trị, chính sách văn học - nghệ thuật của các triều đại, văn học giáo huấn, văn học tuyên truyền, thù tạc, v.v... Bài viết đưa ra quan niệm về văn học cung đình và sơ bộ nhận diện một số đặc điểm của văn học cung đình Việt Nam thời trung đại.

Từ khóa: Văn học, Văn học cung đình, Văn học trung đại, Việt Nam

Abstract: Court literature is a form of literary arts composed by kings and members of the court within court spaces. Such works convey profound reflection of courts' philosophy and worldview in those days. While its main idea was to praise the kings and their dynasties, court literature proves an interesting cultural and literary phenomenon encompassing political culture, court's literary and arts policies, instructive literature and propagandist literature, etc... This paper provides a definition of court literature as well as a brief analysis on some main characteristics of medieval Vietnamese court literature.

Keywords: Literature, Court Literature, Medieval Literature, Vietnam

1. Mở đầu

Văn học cung đình là dòng trung tâm, chủ lưu của văn học Việt Nam thời trung đại. Trong nghiên cứu văn học sử, đã từng xuất hiện những chuyên luận công phu về các khuynh hướng, các dòng phái, các thể loại, loại hình tác giả nhưng chưa có công trình nghiên cứu chuyên sâu nào về văn học cung đình cho dù những thành tựu văn bản học Hán Nôm, sử học về sáng tác nơi

cung vua phủ chúa ngày càng hé lộ nhiều tư liệu mới. Với tư cách là một bộ phận trung tâm của văn học Việt Nam trong nhiều thế kỷ, văn học cung đình cần được quan tâm tìm hiểu một cách thấu đáo để góp phần bổ khuyết vào khoảng trống trong bức tranh văn học sử. Trong bài viết này, chúng tôi bước đầu đưa ra quan niệm về văn học cung đình và sơ bộ nhận diện một số đặc điểm của nó.

2. Quan niệm về văn học cung đình

a. Ở Việt Nam, một số giáo trình văn học sử đều có điểm qua văn bản, nội dung

^(*) TS. Viện Thông tin Khoa học xã hội; Email: hoangnguyennh261280@gmail.com

thơ văn của nhiều tác giả chốn cung đình như Trần Thái Tông, Trần Nhân Tông, Lê Thánh Tông, Trịnh Căn, Trịnh Cương, Trịnh Doanh, Trịnh Sâm, Tự Đức, Thiệu Trị, Minh Mạng, v.v... nhưng chưa xác định “văn học cung đình” như một dòng văn học trung tâm với những thuộc tính riêng của nó, dù đây đó ít nhiều cũng cho thấy hình bóng của văn học cung đình ở từng trường hợp cụ thể.

Trong các tư liệu chúng tôi nắm được, hiện nay chưa có tác giả nào nghiên cứu chuyên sâu về dòng văn học cung đình ngoại trừ nghiên cứu của Trần Nho Thìn. Tác giả đã nhìn nhận “văn học cung đình” trong tương quan với “văn học thành thị”: “...Nếu xét không gian sinh tồn và phát triển của văn học Thăng Long, một đô thị kiểu phương Đông thời trung đại, nơi có thành và có thị, hiển nhiên ta có quyền nói đến hai loại văn học, hai dòng văn học là văn học cung đình và văn học thành thị. Trong những thế kỷ đầu tiên từ khi nhà Lý dời đô về Thăng Long, khi mà phần ‘thị’-chợ hãy còn rất nhỏ bé, chắc chắn phần Hoàng thành bao bọc trong nó triều đình của các triều đại Lý, Trần là không gian chủ yếu của Thăng Long. Những nhân vật văn hóa chủ yếu ở Thăng Long trong quãng thời gian ấy là các ông vua, là hoàng tộc, là quan lại, quý tộc và những lớp người có liên hệ mật thiết với các vương triều như thiên sư, nho sĩ (...). Ra đời tại Thăng Long trong bối cảnh như thế, các tác phẩm văn học dễ dàng và trên thực tế mang tính chất cung đình...” (Trần Nho Thìn, 2010: 55-70). Tuy chỉ phác họa một số ý tưởng bước đầu, nhưng bài viết có giá trị định hướng quan trọng để tìm hiểu mảng văn học cung đình.

b. Ở nước ngoài, một số nhà nghiên cứu như Li Yuling (Lí Vũ Linh), Gerlini

Edoardo, Sally Mapstone... đã đưa ra khái niệm “văn học cung đình” khi nghiên cứu văn học cung đình ở Italia, Scotland, Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ,... Li Yuling (2011) đề cập đến khái niệm “Cung đình văn học” 宮庭文学 (tiếng Nhật: “kyūtei bungaku”; tiếng Anh: “court literature”;...), được định nghĩa là “những tác phẩm văn học được sáng tác trong phạm vi hoạt động của một triều đình” (literary works created on the stage of the court) và “những tác phẩm văn học được thưởng thức ở triều đình” (literary works that were enjoyed at court). Khái niệm này được đặt ra để phân biệt với “văn học tiếng bản xứ” (vernacular literature: tức loại văn học viết bằng tiếng bản địa thay vì ngôn ngữ chính thống như chữ Hán, chữ Latin, chữ Sankrit,...). Theo đó, văn học cung đình mang tính bác học, tính cao nhã, tính chính thống, nghi thức, kiểu cách,... được viết bằng thứ ngôn ngữ chính thống. Văn học cung đình cũng mang tính khu vực rất rõ khi được sản sinh, rập khuôn từ một “nền văn học kiến tạo vùng” nào đó (như văn học Trung Quốc, văn học Ấn Độ, văn học Hi-La,...),...

Theo Gerlini Edoardo (2014), “văn học cung đình” (court literature) hay “văn học chính thức của cung đình” (official literature of the court) chính là “văn học được sáng tác bởi và cho việc sử dụng gần như riêng biệt của những thành viên trong triều đình” (literature was composed by and for the nearly exclusive use of court members). Bộ phận văn học này thường được sáng tác ở kinh đô (capital city), trong triều đình của các vị hoàng đế. Nó được xác định là văn học cung đình dựa vào các tiêu chí như: vai trò, chức năng và sự tồn tại của nó khó có thể lý giải cho đúng nếu đặt ngoài khung khổ lịch sử - xã hội của cung đình. Về vai trò, đó là tiếng

nói phát ngôn chính thức cho các quan điểm, tư tưởng, đường lối, công việc hành chính công vụ của triều đình, được chú trọng, đề cao; về chức năng, văn học cung đình mang chức năng hành chính - công vụ và lễ nghi tôn giáo, ngoài ra còn mang chức năng giải trí, thưởng ngoạn thẩm mỹ theo những tiêu chuẩn cao của cung đình; và vì thế, phải đặt văn học cung đình vào bối cảnh lịch sử - xã hội mới có thể hiểu đúng và sâu sắc nó, v.v...

Sally Mapstone (1991) đưa ra nhiều cứ liệu về văn học cung đình Scotland vào thế kỷ XV. Những sinh hoạt văn chương của các nhà thơ cung đình Scotland trước và sau những năm 1490 cho thấy đời sống văn chương hoàng gia Scotland khá sinh động. Những quyển sách châu Âu bán chạy phiên bản Scotland đều được gửi đến nhà vua và những người trong hoàng gia. Người Scotland đã dịch những tác phẩm như *Secretum Secretorum* (Bí mật của bí mật), *Ludus Saccorum* (Trò chơi Saccorum) và *De Re Militari* (Quân sự), *Troy Book* (Quyển sách về thành Troy), truyện lãng mạn của Alexander, các biên niên sử bằng tiếng Latin và tiếng địa phương. Theo tác giả, văn học cung đình tồn tại ở Scotland vào thế kỷ XV là một nền văn học hướng về hoàng tộc mà nhà vua chính là người bảo trợ cho dòng văn học ấy. Và đến triều đại của James VI, có một số lượng lớn các nhà văn viết về đời sống cung đình Scotland.

Mỗi hiện tượng văn học đều có cơ sở hình thành và phát triển của nó. Văn học cung đình Việt Nam thế kỷ X - XIX cũng vậy. Vào thời trung đại, ở Việt Nam cũng như một số nước khu vực Đông Á, Nho giáo là hệ tư tưởng thống trị, vua chúa sử dụng Nho giáo như một công cụ bồi đắp tư tưởng và củng cố quyền lực, làm sản sinh ra một dòng văn học giàu tính đạo đức, tư

tưởng và lý tưởng. Dòng văn học này chính là văn học cung đình, vì nó gắn liền với vua chúa và quý tộc phong kiến, ca tụng và thể hiện lý tưởng của họ.

Bước đầu tìm hiểu văn học cung đình, cần nhắc những quan niệm trước đó và dựa trên thực tiễn sáng tác văn học Việt Nam thời trung đại, chúng tôi sơ bộ quan niệm *văn học cung đình là bộ phận sáng tác văn học của vua chúa, quý tộc, hoàng thân, quốc thích, quan lại, cung nữ... xuất hiện trong không gian cung đình, mang đậm nhân sinh quan, thế giới quan của triều đình đương thời.*

3. Một số đặc điểm của văn học cung đình

a. *Cảm hứng ca tụng minh quân, xã hội thái bình thịnh trị*

Ca tụng minh quân và sự nghiệp vương triều là cảm hứng chủ đạo của dòng thơ văn cung đình. Chẳng hạn, những áng thi ca khắc trên kiến trúc cung đình ở Thăng Long (Hà Nội) hay cố đô Huế còn lại đến ngày nay phần lớn là miêu tả, ca ngợi phong cảnh chốn cung đình: ngọn gió, áng mây, thời tiết, ao hồ, cây cỏ, hoa lá... cho đến những đồ vật quý báu của hoàng cung. Nội dung các bài thơ chủ yếu ca ngợi công đức vua chúa: dựng xây cơ đồ, khai sáng triều đại, mở mang bờ cõi và những chiến công oanh liệt...

Các bậc quân vương khi sáng tác thơ văn vừa gọi mở tinh thần đề cao, tán dương, khẳng định triều đại, vừa khai mở cho cảm hứng ca công tụng đức vốn có nơi các văn sĩ triều thần. Chẳng hạn, chuyện xướng họa thơ văn của Vua Lê Thánh Tông cùng nhiều văn thần nổi tiếng trong Hội Tao Đàn - diễn đàn văn học có tổ chức của một triều đình chuộng sùng đạo Nho. Vua tôi xướng họa trong Hội Tao Đàn dĩ nhiên là tụng ca, tụng hô lẫn nhau mang theo niềm tin của họ về lý tưởng chính trị, xã hội thái bình thịnh trị.

Đến thời Lê Trung hưng, các chúa Trịnh cùng Nho thần trong cung vua phủ chúa vẫn mãi mê tiếp nối khuynh hướng đó. Sách *Lịch triều tạp kỷ*^(*) chỉ rõ, năm 1721, chúa Trịnh Cương đi chơi hồ Tây, các quan Trịnh Quán, Đặng Đình Tướng, Nguyễn Công Hãng và Lê Anh Tuấn đều đi hộ giá. Chúa Trịnh đích thân làm hai bài thơ quốc âm để ban cho họ. Trong thơ có tán tụng, ví von chúa - tôi họ như cảnh cá gặp nước, tương đắc với nhau. Mấy bề tôi đều dâng thơ ca tụng và tạ ơn nhà chúa. *Lịch triều tạp kỷ* còn chép nhiều sự kiện văn học của chúa Trịnh và các bề tôi: “Tháng 5, chúa Trịnh sai các triều sĩ soạn bài châm “Biết người” [Tri nhân châm] đem dâng để thử xem tài học súc tích của từng người. Việc này giao cho Thư phủ Đặng Đình Tướng và Tham tụng Nguyễn Quý Đức trông nom điểm duyệt. [Trong số những người dự cuộc ấy] được liệt hạng nhất là Hình bộ Tả thị lang bồi tụng Lê Anh Tuấn, hạng nhì là Hàn lâm viện hiệu lý Bùi Sỹ Tiêm, hạng ba là Hình khoa cấp sự trung Lê Khắc Thuần và hạng tư là Lại khoa cấp sự trung Tần Lê Huân. Bấy giờ Đặng Đình Tướng và Nguyễn Quý Đức cùng soạn bài châm “Biết người” để dâng [chúa Trịnh]” (Ngô Cao Lãng, Xiển Trai, 1995). Nội dung chính của bài châm là tụng hô, ca ngợi công đức của chúa Trịnh và vương triều.

Sử sách cũng ghi lại nhiều trường hợp chúa Trịnh ban, tặng thơ cho các quan lại, kể cả thơ Hán và thơ Nôm. Năm 1718, Trịnh Cương có hai bài thơ Nôm thù tạc để tặng, một bài tặng sứ thần là Bồi tụng

Nguyễn Công Hãng (1680-1730) và Phụng Thiên phủ doãn Nguyễn Bá Tông (?) đi sứ nhà Thanh về, một bài khác tặng Đặng Đình Tướng (1649-1736) khi viên quan họ Đặng này xin trí sĩ. Hay khi đại thần Nguyễn Huy Nhuận trí sĩ, chúa Trịnh Doanh ban 12 cờ lụa thêu, câu đối và một bài thơ *Quan phủ liêu* sức cho dân xã của 6 tổng huyện Gia Lâm theo lệ đến rước về làng. Nguyễn Huy Nhuận có thơ lưu tặng các quan đồng triều. Các quan đồng triều đều họa vãn bài thơ của Nguyễn Huy Nhuận để tiễn. Có thể thấy ở đây một bầu không khí sinh hoạt văn chương cung đình rất gần gũi với thời Lê Thánh Tông và Hội Tao Đàn nổi tiếng trong lịch sử. Chúa Trịnh tặng thơ cho các quan, các quan họa lại, các quan cũng xướng họa với nhau, rồi có cuộc thi thơ, sát hạch bằng thơ... Tất cả tạo nên một không khí hòa đồng gần gũi giữa chúa tôi trong sinh hoạt văn chương. Theo Trần Thị Băng Thanh (2010), cả hậu cung của chúa cũng có mấy bà phi sành sáng tác thơ, truyện thơ Nôm, hơn thế có thể còn có cả sinh hoạt văn thơ trong hậu cung, việc đó cũng là hiện tượng hiếm và quý.

Tiêu biểu nhất cho loại thơ tụng ca cung đình có lẽ là *Khâm định thắng bình bách vịnh* của Trịnh Căn. Mô phỏng Lê Thánh Tông, Trịnh Căn làm thơ để ca tụng vương triều, đề cao công đức thánh nhân, tưởng nhớ công ơn tổ tiên và đồng thời ca ngợi công lao của chính mình. Thơ ông có rất nhiều bài vịnh thiên nhiên, khí hậu, danh lam thắng tích, người và cảnh vật nơi cung vua phủ chúa đều ngụ ý ngợi ca xã hội thái bình, triều đại thịnh trị, công đức tổ tông mở nền cơ nghiệp.

Nói chung, thơ ca xướng họa cung đình thường mang cảm hứng ca tụng, vua chúa thì khen ngợi quần thần, khích lệ sự cúc cung tận tụy của họ; còn quần thần thì

(*) *Lịch triều tạp kỷ* 歷朝雜紀 (bộ sử ký do Ngô Cao Lãng biên soạn đầu thế kỷ XIX, sau này được Xiển Trai bổ sung, biên soạn lại) có ghi chép nhiều trước tác: thơ, ca, biểu, chiếu và lệnh... trong đó có nhiều bài thơ Nôm của các chúa Trịnh.

tung hô, ca ngợi vua chúa. Nó tràn đầy cảm hứng ca tụng và thuyết giáo tư tưởng Nho gia, vì thế không ít bài có tứ thơ sáo mòn, công thức và có phần gượng gạo.

b. Tư tưởng văn học cung đình chịu ảnh hưởng sâu sắc của tam giáo

Văn học cung đình có giá trị xây dựng nên những mẫu nhân cách lý tưởng. Đó là các mẫu hình hoàng đế anh minh, tài trí (minh quân, nhân quân), bề tôi hiền lương (lương thần, hiền thần, lương tướng), người quân tử tài đức kiêm toàn (nhân, lễ, nghĩa, trí, tín), người phụ nữ đức hạnh (tiết phụ, liệt phụ, hiền phụ,...),... Những mẫu nhân cách lý tưởng này hầu hết đều theo quan niệm của Nho giáo. Các tác giả cung đình Việt Nam thời trung đại với tư cách là người “dẫn đạo xã hội” muốn lấy tam giáo (Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo), đặc biệt là Nho giáo làm chỗ dựa vững chắc về tinh thần, một mô hình lý tưởng để hành đạo và sử dụng văn chương như một phương tiện hữu ích và đắc lực để tuyên truyền cho tư tưởng ấy. Đặc biệt, Nho giáo xem văn chương là công cụ để giáo hóa xã hội và con người theo đạo lý của thánh nhân. Một loạt mệnh đề về mối quan hệ giữa “văn” và “đạo” cho thấy điều đó: “văn dĩ tải đạo” (văn để chở đạo), “văn dĩ quán đạo” (văn để thấu suốt đạo), “văn dĩ minh đạo” (văn để làm sáng tỏ đạo), “văn dĩ hoàng đạo” (văn để truyền bá đạo), v.v...

Thời trung đại Việt Nam, Nho giáo là hệ tư tưởng chủ đạo trong xã hội, chi phối và tác động đến mọi mối quan hệ trong đời sống xã hội. Các tác giả cung đình dường như đã cố gắng lựa chọn những yếu tố tích cực của hệ tư tưởng Nho giáo để tổ chức, quản lý xã hội và sáng tác văn chương. Vì thế, đề tài triết lý, giáo huấn theo các phạm trù mỹ đức của Nho giáo xuất hiện dày đặc trong văn học cung đình.

c. Sắc thái văn hóa tâm linh của văn học cung đình

Thời cổ trung đại, do ảnh hưởng của các thuyết như *thiên nhân tương ứng*, *thiên nhân hợp nhất*,... nên các triều đại phong kiến Việt Nam thường quan niệm mỗi khi điềm trời có gì khác lạ, thì ở trần gian trước sau cũng sẽ có những chuyện tương ứng xảy ra. Điềm trời là cách thức Trời (đấng tối cao có ý chí, nhân cách và sức mạnh chi phối tự nhiên, xã hội, con người) dùng để chỉ dạy cho đấng quân vương, xem đã làm đúng hay sai phép tắc, lễ luật của trời đất. Điềm trời cũng là dấu hiệu cho biết vua chúa có “đức” hay không. Khảo xét cổ thư, có thể thấy, các bậc vua chúa và quần thần Việt Nam hết sức lưu ý đến “điềm trời” tức các biến tượng nơi nhật, nguyệt, tinh,... và hết sức chú trọng đến các tường vân, thụy khí hay yêu tinh, yêu khí,... để đoán biết ý trời, đoán biết cát hung, cũng như sự hưng suy của các triều đại. Các cổ thư: *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Đại Việt sử ký tục biên*, *Đại Việt sử ký tiền biên*, *Lịch triều tạp kỷ*,... xác nhận điều đó. Nhiều sáng tác văn học cung đình cũng thể hiện điều này. Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, năm 1495, tháng 11, Vua Lê Thánh Tông thấy hai năm được mùa liên tiếp, đặt các bài ca vịnh để ghi điềm lành. Nội dung gồm những bài về đạo làm vua, khí tiết bề tôi, vua giỏi tôi hiền, nhớ bậc anh tài kỳ tuấn và đùa viết vội thành văn, nhân gọi là *Quyển uyển cửu ca thi tập*. Hay nhiều thi ca của các chúa Trịnh như: *Cảm thụ thiên hựu* (Cảm nhận phúc trời), *Kỳ vũ hoạch ứng* (nói về việc cầu mưa được ứng nghiệm), *Cự ngư đăng tân* (nói về vận thái bình, thịnh trị), *Thụy vật triệu chủ hòa* (nói về việc khí dương hòa đến từ hướng Đông, biểu thị sự thịnh vượng yên vui), *Tiên cảm hiến thụy* (nói về việc chim tiên dâng điềm lành), v.v... Quan niệm như vậy rõ ràng bao hàm màu

sắc thần bí, nhưng nó là điểm tựa tinh thần vững chắc để vua chúa tiến hành các hoạt động trị quốc an dân. Mặt khác, vua chúa hay triều sĩ trong cung đình làm thơ về điểm trời, phúc trời với những cảnh yên vui thịnh vượng, cảnh mưa thuận gió hòa, cảnh được mùa no ấm... là một cách gián tiếp khẳng định vị thế chính trị của triều đại mình. Các bậc quân vương sáng tác văn học thể hiện điểm trời, phúc trời cũng là để thể hiện uy đức, để khẳng định đức trị dân (thực chất là khẳng định ngôi vị của mình). Vì vua chúa có “đức” tốt nên trời ban điểm thái hòa, ban cảnh thái bình thịnh vượng cho giang sơn. Đón cảnh thái bình thịnh vượng, họ ngẫu hứng làm thơ văn để báo đáp phúc trời và biểu thị “đức trị” của mình là hợp lẽ trời. Đây chính là một loại hình văn hóa chính trị rất tiêu biểu thời trung đại mà văn học cung đình biểu hiện.

d. Bút pháp tượng trưng ước lệ

Dòng văn học cung đình thời Lê thường sử dụng phổ biến bút pháp tượng trưng ước lệ. Các hình ảnh ước lệ kinh điển của văn học trung đại như: *tùng, cúc, trúc, mai, long, lân, quy, phượng, nhật nguyệt, hoa, mây, thái dương (mặt trời), sen, gấm, lầu son, gác tía, cung quế, tường hoa, quỳnh uyển, phượng thành*, v.v... xuất hiện đa dạng trong những biến thể khác nhau từ cấp độ chủ đề của cả bài thơ (các bài thơ vịnh vật) đến cấp độ hình ảnh, chi tiết (trong các bài thơ vịnh phong cảnh hoặc các chủ đề khác như các bài ban cho các văn thần, các bài ban cho cung nhân,...). Tuy nhiên, chúng đều không hướng tới việc mô tả những sự vật, hiện tượng thực mà chỉ tượng trưng cho những phạm trù tư tưởng, luân lý (tùng, cúc, trúc, mai... tượng trưng cho phẩm chất người quân tử; long, phượng... tượng trưng cho ngôi cao tôn quý; nhật nguyệt, thái dương,... tượng trưng cho đạo trời; lầu son,

gác tía, cung quế, tường hoa... tượng trưng cho cuộc sống đài các, quý phái).

Cách kết hợp từ (danh từ và định ngữ) miêu tả lý tưởng xã hội, đạo đức cũng được sử dụng phổ biến, nhiều lần như: *Nhân cơ (nền nhân), phúc chỉ (nhà phúc), thọ vực (cõi thọ), xuân đài (đài xuân), đỉnh nhân, dòng trí, cõi phúc, cửa đức, nền phúc, cây đức, Thuần đức, Nghiêu nhân, nước trí, mây từ, cõi thọ, non nhân, bệ Thuần, vườn Văn, suối Hán, vườn Chu cửa Khổng, sân Trình*, v.v... Chúng được dùng trong các trường hợp trù tượng như nói về gốc gác, phẩm hạnh của các bề tôi (các bài ban cho bề tôi từ đại thần đến cung nhân), vịnh các nhân vật lịch sử; có khi còn được sử dụng để miêu tả các di tích lịch sử. Điều đó cho thấy, tư duy ước lệ đã ăn sâu vào tư duy ngôn ngữ, tư duy thơ của các tác giả cung đình, làm nên đặc trưng phong cách văn chương cung đình.

Mặt khác, các hình ảnh tượng trưng, ước lệ cũng được sử dụng để thi vị hóa đối tượng, đặc biệt là phong cảnh thiên nhiên. Thi ca cung đình sử dụng nhiều sáo ngữ, hình ảnh quen thuộc (mang tính ẩn dụ) để tả các địa danh khác nhau: *hiên mai, bóng quế, cửa ngọc, lầu đài, long trì, bích động, gió thủy, bóng thỏ, hương nghệ, bầu bạch ngọc, thiên lôi (sáo trời), bảo đài, bóng ác, tắm kinh, ngõ hạnh, tường hoa, bầu ngọc, bầu thế giới, thức gấm, trâm ngọc, duềnh ngân, cung châu, tháp báu, tiên các, ngọc đường, hổ phách, đồi mồi, vùng ô, cung quế, chày kinh*, v.v... Đây là những sáo ngữ được gán ghép cho bất kỳ địa danh, phong cảnh nào (dù những địa danh, phong cảnh này được nhắc đến cụ thể, dày đặc trong thơ ca cung đình) khiến cho ý nghĩa cụ thể, đặc trưng, bản sắc riêng của các địa danh, phong cảnh bị nhòa đi, chỉ còn lại những bức tranh trù tượng, lý tưởng trong con

mắt của những tín đồ Nho giáo. Những bài thơ vịnh cảnh, vịnh địa danh trong thơ ca cung đình (mặc dù là những bức “nhân tiền cảnh trí”) không cụ thể mà cứ na ná như nhau, nghĩa là cùng vẽ đẹp lung linh, đài các, thanh nhã (dù đó là đền đài, miếu mạo, chùa chiền hay thành quách, đạo lộ, sông ngòi, khe suối,... qua đó thể hiện tâm hồn “thi nhân” nghệ sĩ của vua chúa) và cùng biểu hiện một ý chung là tái hiện cảnh thái bình, thịnh trị dưới triều đại của các vị vua chúa giỏi văn.

Đọc thơ ca cung đình, người đọc không dễ dàng phân biệt được phong cách của từng tác giả, nhiều khi là không thể. Tượng trưng, ước lệ làm xóa nhòa dấu ấn cá nhân, cá tính là như vậy. Phải chăng nó là cái mào để các tác giả “nói chuyện” với nhau trong niềm tự hào về tư cách “thành viên đầy đủ” của giới tinh hoa có học vấn ở thời trung đại. Ước lệ tượng trưng, với tư cách là một nguyên tắc miêu tả có tính hệ thống, trở thành đặc trưng nổi bật của khuynh hướng sáng tác văn học cung đình. Tính ước lệ tượng trưng ở đây được sử dụng triệt để, nghiêm túc và phổ biến. Đặc trưng thi pháp này hình thành từ bối cảnh lịch sử xã hội phong kiến và cảm quan thẩm mỹ của tầng lớp nghệ sĩ Hán học xuất thân cung đình.

e. Ngôn ngữ văn học cung đình

Việc sử dụng điển tích, điển cố, thi liệu Hán học là hiện tượng phổ biến trong văn học trung đại Việt Nam. Riêng với văn học cung đình, còn có nguyên nhân đặc thù về đội ngũ sáng tác và công chúng thưởng thức. Đội ngũ sáng tác là các vua chúa vốn được đào tạo bài bản về Hán học, thi văn ngay từ khi còn nhỏ; được các văn thần tán trợ ngay cả trong việc làm thơ (như chọn vần sẵn, dạy cho các từ chương, điển cố, thi liệu,...). Đối tượng hướng tới của thơ văn lại chủ yếu là tầng lớp trí thức có học

(các nhà Nho, các văn thần, tướng lĩnh, cung nhân, các nhà tu hành,...) nên họ sử dụng khá nhiều các điển cố, thi liệu Hán học với nội dung biểu đạt rất phong phú: chính trị, xã hội, con người, thiên nhiên, triết học, văn học, nghệ thuật, v.v... Các điển tích, điển cố, thi liệu Hán học được dùng với các mục đích như: thể hiện sự uyên bác, tao nhã của các tác giả; biểu đạt các nội dung tư tưởng một cách cô đọng, súc tích, tao nhã và chuẩn mực. Các điển tích, điển cố, thi liệu Hán học trong thơ ca cung đình được sử dụng nhiều trong các trường hợp sau: i) Ca ngợi xã hội, triều “Nghiêu Thuấn” thái bình, thịnh trị; ii) Tỏ rõ khẩu khí của các đấng minh quân trong các công việc trị sự lẫn giải trí; iii) Giáo huấn các phạm trù đạo đức, nhân luân cũng như chức phận của quan, dân trong vương triều; iv) Thể hiện tâm hồn nghệ sĩ trong những phút giây nhàn nhã, riêng tư; v) Phê phán, giáo huấn các bề tôi, phi tần, tướng sĩ,... Do hướng đến các nội dung đó, các điển tích, điển cố, thi liệu Hán học trong văn học cung đình chủ yếu có xuất xứ từ kinh điển của Nho gia: Tứ thư, Ngũ kinh (đặc biệt là *Kinh Thi*), sách của chư tử, sách sử Trung Hoa, Đường thi, Tống thi, v.v...

Khảo sát văn học cung đình, có thể thấy, ngôn ngữ văn học Hán vẫn giữ vai trò chủ đạo bởi nó gắn với bộ phận văn học chức năng hành chính công vụ, cũng gắn với tập quán sáng tác, thưởng thức văn học chốn cung đình đòi hỏi sự chuẩn mực, sang trọng, đài các, nghi thức,... trong sinh hoạt văn học cung đình. Tuy thế, ngôn ngữ văn học Nôm cũng có vai trò nhất định. Thời Lê sơ và Lê Trung hưng, các tác gia Lê Thánh Tông, Trịnh Căn, Trịnh Cương, Trịnh Doanh, Trịnh Sâm... còn để lại cho hậu thế những tác phẩm bất hủ viết bằng chữ Nôm. Điều đó cho thấy vua chúa phong kiến Việt

Nam cũng chú ý đề cao việc sáng tác, phổ biến văn học viết bằng chữ Nôm và tự thân chữ Nôm cũng chứng tỏ được vị thế cung đình, chính thức tham gia vào hoạt động văn hóa văn nghệ chính thống quan phương trong triều đình phong kiến Đại Việt.

4. Kết luận

Bước đầu tìm hiểu, chúng tôi nhận thấy, văn học cung đình là một hiện tượng văn học nhưng chứa đựng nhiều vấn đề về văn hóa rất thú vị và giàu ý nghĩa khoa học, như: vấn đề văn hóa chính trị, chính sách văn học - nghệ thuật của các triều đại, chính sách ngôn ngữ, tư tưởng - ý thức hệ, tín ngưỡng chính thống - quan phương được thể hiện qua văn học, hiện tượng văn học giáo huấn, văn học tuyên truyền, thù tạc, v.v... Nếu biết khai thác, thực sự, “văn học cung đình Việt Nam thời trung đại” là một “trường hợp” (case) điển hình để triển khai hướng nghiên cứu mới trên và có thể gặt hái được những thành quả quan trọng về lĩnh vực thông tin khoa học xã hội, đồng thời góp phần khẳng định nó như một hiện tượng văn hóa đặc thù và giá trị □

Tài liệu tham khảo

1. Gerlini Edoardo (2014), *The Heian Court Poetry as World Literature - From the Point of View of Early Italian*
2. Ngô Cao Lãng biên soạn, Xiển Trai bổ sung (1995), *Lịch triều tạp kỷ*, Hoa Bằng - Hoàng Văn Lâu dịch, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Li Yuling (李宇玲, 2011), 古代宮庭文学論論: 中日文化交流史の視点から, Front Cover. 李宇玲. 勉誠出版 Tokyo.
4. Quốc sử quán triều Lê (2012), *Đại Việt sử ký tục biên [1676 - 1789]*, Ngô Thế Long, Nguyễn Kim Hưng dịch, Nguyễn Đồng Chi hiệu đính, tái bản, Nxb. Hồng Bàng - Trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội.
5. Sally Mapstone (1991) “Was there a Court Literature in Fifteenth-Century Scotland?”, *Studies in Scottish Literature*, Vol. 26, Iss. 1.
6. Trần Thị Băng Thanh (2010), “Chúa Trịnh Cương trong dòng văn Trịnh phủ” trong *Chúa Trịnh Cương cuộc đời và sự nghiệp*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
7. Trần Nho Thìn (2010), “Văn học cung đình và văn học thành thị ở Thăng Long”, *Tạp chí Nghiên cứu văn học* (10), tr. 55-70.

Poetry, University of Florence, Firenze University Press, Firenze.